

Hôn nhân của Việt Công giáo ở Giáo họ Nỗ Lực, tỉnh Phú Thọ

Lê Đức Hạnh

Viện Nghiên cứu Tôn giáo

Tóm tắt: Qua nghiên cứu trường hợp hôn nhân của người Việt Công giáo ở Giáo họ Nỗ Lực (Phú Thọ) bài viết giới thiệu về cơ sở hôn nhân, các thủ tục và nghi lễ hôn nhân theo quy định của Giáo luật Công giáo, trên cơ sở đó đưa ra nhận xét về tính bền vững của hôn nhân Công giáo so với hôn nhân truyền thống.

Từ khoá: Hôn nhân; Hôn nhân Công giáo; Nghi lễ hôn nhân.

1. Giới thiệu địa bàn và mẫu nghiên cứu

Giáo họ Nỗ Lực ngày nay là một trong 17 giáo họ/giáo khu của giáo xứ Nỗ Lực. Địa phận của giáo xứ nằm trên địa bàn hành chính của 16 xã thuộc huyện Tam Nông, huyện Phù Ninh và thành phố Việt Trì của tỉnh Phú Thọ. Giáo họ Nỗ Lực được gọi theo tên làng, Nỗ Lực là tên chữ, Bàu Nọ là tên Nôm, nhưng dân gian thường gọi tên nôm và còn đọc chệch đi là Bù Nọ (Viện TTKHXH, 1996, tr. 489). Giáo xứ có 1.442 hộ gia đình, 5.927 giáo dân, trong đó giáo họ Nỗ Lực có 3 xóm gồm 621 hộ với 2.739 giáo dân⁽¹⁾.

Xứ đạo Nỗ Lực, với Nỗ Lực là họ nhà xứ có quá trình lịch sử phát triển

khoảng 400 năm ⁽²⁾. Còn Nỗ Lực được gọi là nhà xứ từ năm 1710, lấy Đức mẹ Mân Côi làm thánh bổn mạng, lễ kính vào 7/10 hằng năm.

Nghiên cứu được thực hiện trên 287 mẫu định lượng, ngoài ra các phỏng vấn sâu cá nhân cho các kết quả định tính về hôn nhân và nếp sống đạo trong gia đình người Việt Công giáo ở Nỗ Lực.

2. Cơ sở của hôn nhân Công giáo ở Nỗ Lực

Có thể nói hôn nhân của người Việt Công giáo ở Nỗ Lực được dựa trên cơ sở quan trọng là tình yêu đôi lứa, của sự tự do tìm hiểu nhau. Trong hôn nhân của người Việt Công giáo ở Nỗ Lực không có hiện tượng cha mẹ ép gả hay ngăn cấm con cái kết hôn. Sở dĩ như vậy là bởi những người Công giáo Nỗ Lực quan niệm rằng nếu ép gả hay ngăn cấm con cái tìm hiểu bạn đời, kết hôn là làm trái ý Thiên Chúa, là mắc tội trọng. Do vậy, khi con cái đến tuổi trưởng thành, họ có quyền tìm hiểu và yêu thương nhau mà không hề bị cha mẹ ngăn cấm, ép gả. Kết quả nghiên cứu định lượng cho thấy có 89,5% nam nữ hiện nay tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự do tìm hiểu nhau. Việc tìm hiểu của các đôi nam nữ chủ yếu dựa trên những đồng cảm với nhau về tính cách, lối sống, đạo đức và niềm tin tôn giáo. Bên cạnh đó cũng có yếu tố về hình thức hay điều kiện kinh tế gia đình, nhưng không nhiều và những cơ sở này không phải là điều kiện tiên quyết. Việc quyết định tiến tới hôn nhân ngày nay của thanh niên Nỗ Lực bên cạnh sự tự do quyết định của cá nhân, còn có những tư vấn, góp ý kiến từ các bậc cha mẹ trong hôn nhân. Kết quả định lượng cho thấy có 38,5% số thanh niên Nỗ Lực khi định kết hôn có sự đóng góp ý kiến về người bạn đời từ phía cha mẹ.

Với người Công giáo Nỗ Lực, từ khi nam nữ tìm hiểu nhau đến khi có lời trình báo với cha mẹ, một vấn đề được quan tâm nhất đó là người yêu của mình có theo đạo Công giáo không. Trường hợp một trong hai người không phải đạo Công giáo thì đòi hỏi đầu tiên là người đó phải cải đạo theo Công giáo nếu muốn tiến tới kết hôn và được linh nhận bí tích hôn phối của nhà thờ. Trường hợp kiên quyết không theo đạo, vì sự tự do tôn giáo của mỗi người, thì hai người phải làm thủ tục xin *tha ngăn trở hôn phối* ⁽³⁾. Kết quả điều tra định lượng tại Nỗ Lực cho biết có 52% người trả lời cho rằng trước khi kết hôn nếu không phải là người Công giáo thì buộc phải theo đạo. Số còn lại (48%) cho rằng không bắt buộc theo đạo nhưng lấy vợ hoặc chồng thì phải theo, do tự nguyện chứ không bị ép buộc.

Trả lời câu hỏi: “*Thế con dâu bây giờ có theo đạo không?*” Một nữ giáo dân có con trai kết hôn với người ngoại đạo cho biết: “*Có chứ, xin theo chứ, phải tự nguyện làm đơn xin theo chứ, còn cô cũng không bảo phải theo. Tự nguyện yêu nhau thì tự đi lễ trước để tìm hiểu, xong tự làm đơn xin vào đạo chứ cô không cầm tay viết. Để nó mang tính chất tình, qua quá trình tìm hiểu, anh muốn tìm hiểu, muốn sống đạo, muốn cuộc sống sau này cần phải như thế, chứ cô cũng không bảo phải viết như thế nào cả. Cô bảo, tự con nhận biết như thế nào thì tự con viết đơn xin vào đạo.*” (PVS nữ, 48 tuổi, làm ruộng, lớp 6).

Việc theo đạo Công giáo của vợ hoặc chồng có ý nghĩa đặc biệt với những người Việt Công giáo Nỗ Lực, bởi: *thứ nhất*, họ được tổ chức hôn lễ tại nhà thờ, tức là được chịu bí tích hôn phối; *thứ hai*, họ quan niệm khi hai người cùng một tôn giáo thì họ cùng một niềm tin, cùng một chí hướng nên dễ đồng lòng, hiệp sức nhau trong cuộc sống vợ chồng và trong giáo dục con cái.

3. Một số nghi lễ chủ yếu trong hôn nhân ở Nỗ Lực

3.1. Các thủ tục và nghi lễ theo quy định của giáo luật

- *Học giáo lý hôn nhân*: Đây là một trong những quy định bắt buộc nếu giáo dân Công giáo muốn cử hành hôn lễ trong nhà thờ (Giáo lý Hội thánh Công giáo, 1992). Thời gian học giáo lý hiện nay kéo dài khoảng 3 - 4 tháng với một lịch học được tổ chức rất phù hợp như học vào thời gian rảnh rỗi trong ngày, có thể là buổi tối, các ngày nghỉ, ngày thứ 7 hay chủ nhật khi nhà xứ không có lễ. Sau khi kết thúc chương trình, xứ đạo tổ chức kiểm tra kiến thức của những học viên, những người đạt yêu cầu được cấp giấy chứng nhận đã hoàn thành lớp Giáo lý hôn nhân.

- *Tiến tới hôn nhân*: Chỉ sau khi có Giấy chứng nhận đã hoàn thành lớp Giáo lý hôn nhân, đôi nam nữ mới được phép xin cha mẹ đến thưa chuyện với linh mục quản xứ cho họ được chịu phép cưới. Linh mục chính xứ sẽ tiếp nhận thông tin, yêu cầu đôi nam nữ thực hiện những công việc mà Giáo hội quy định, đó là trình giấy chứng nhận rửa tội trong trường hợp người nam hay người nữ ở một xứ đạo khác; hoặc yêu cầu chuẩn bị chịu phép rửa nếu một trong hai người ngoại đạo nay muốn được chịu phép rửa tại giáo xứ Nỗ Lực. Tiếp theo, linh mục cho người tin cẩn đi điều tra về hai người đề nghị được kết hôn này. Người được ủy nhiệm sẽ đến nơi hai người sinh sống để điều tra về tình trạng hôn nhân, gia đình và bản thân

người sẽ kết hôn để xem họ có vướng ngăn trở gì so với quy định của luật Hội thánh hay Luật pháp hay không? Việc điều tra hôn phối đòi hỏi phải có giấy tờ xác minh về người định kết hôn, trong đó ghi rõ tên thánh, họ tên đời; họ tên cha mẹ, địa chỉ và quan trọng nhất là phải xác nhận không bị ngăn trở bởi quy định của giáo luật. Trường hợp có ngăn trở hôn nhân phải có *Tờ tha ngăn trở hôn phối* theo quy định của Giáo luật.

Sau đó, linh mục giao cho đại diện Ban hành giáo xứ, thường là Ban mục vụ hôn nhân phụ trách, rao hôn phối tại nhà thờ trước toàn thể cộng đoàn dân Chúa. Việc rao hôn phối được thực hiện trước toàn thể bà con giáo dân trong 3 thánh lễ liên tiếp (tức khoảng 3 tuần). Nội dung rao hôn phối phải nói rõ ai định kết hôn với ai, giáo dân nào biết cuộc hôn nhân này có bất kỳ ngăn trở gì thì phải thông báo cho người có trách nhiệm, thường là linh mục hay một người trong Ban hành giáo. Sau thời gian rao hôn phối, nếu không có ngăn trở gì thì đôi nam nữ sẽ được làm phép hôn phối tại nhà thờ.

Giáo hội Công giáo quy định, chỉ khi hôn nhân được cử hành trong thánh lễ theo thể thức của Hội thánh thì hôn nhân đó mới được coi là thành sự. Giáo hội cũng quy định hôn lễ còn phải được cử hành tại nhà thờ giáo xứ, nơi một trong hai người kết hôn có chỗ thường trú, hoặc tạm trú tối thiểu 1 tháng trở lên (Bộ Giáo luật, 1983, tr.1118).

- *Nghi thức bí tích hôn phối*: Trong nghi thức Hôn phối, bắt buộc phải trải qua các phần cơ bản như thẩm vấn đôi tân hôn, trao đổi lời thề hứa, làm phép nhẫn và trao nhẫn cưới. Ngoài ra còn có nghi thức đầu lễ và nghi thức cuối lễ. Dưới đây là trình tự của một thánh lễ hôn phối ở nhà thờ Nỗ Lực.

Trước khi tiến hành nghi thức hôn phối, các đôi sắp kết hôn đứng xếp hàng cùng cha mẹ và những người làm chứng đợi ở cửa nhà thờ. Vì đây là thánh lễ mang ý nghĩa đặc biệt đối với các đôi tân hôn và gia đình của họ, nên không chỉ các đôi uyên ương mà mọi người tham dự đều ăn mặc trang trọng, đẹp đẽ. Chú rể thường mặc áo trắng bên trong và comple ở ngoài, còn cô dâu mặc áo dài truyền thống cài hoa trên ngực và ôm 1 bó hoa đẹp trên tay. Quan sát thực tế cho thấy hầu như các cô dâu không mặc váy cưới khi thực hiện thánh lễ hôn phối tại nhà thờ. Một số bạn nữ được hỏi đã cho rằng vì điều kiện kinh tế khó khăn không thể thuê váy cưới hai lần nên chỉ mặc áo dài truyền thống khi cử hành ở nhà thờ, đến ngày nhà trai rước dâu thì mới mặc váy cưới. Một số khác lại cho biết do quan niệm kiêng mặc váy cưới hai lần trong đời để thể hiện lòng chung thủy và tránh điều bất

hạnh xảy ra với cuộc hôn nhân của mình, nên chỉ đến ngày đón dâu mới mặc váy cưới.

“Em không mặc váy cưới ở nhà thờ vì hôm cưới em sẽ phải mặc, nếu ngày cưới không có váy thì người ta chê. Mà ai lại đi mặc váy cưới hai lần chứ, người Việt mình vẫn kiêng như thế mà” (PVS, nữ 26 tuổi, công nhân, lớp 9).

Đến giờ hành lễ, linh mục và những người giúp lễ đi từ trên Cung thánh xuống cửa nhà thờ, rước các đôi tân hôn lên những hàng ghế đầu của nhà thờ để dự thánh lễ. Ngay sau đó, những nghi thức đầu lễ được tiến hành. Đây là nghi thức “chào chúc”, “dẫn lễ” được quy định bắt buộc trong thánh lễ, đó là lời Chào và Chúc giữa linh mục chủ tế và cộng đoàn giáo dân, cùng bài Phúc Âm và bài giảng. Tiếp theo, nghi thức hôn phối chính thức được tiến hành gồm 3 phần, là: thẩm vấn đôi tân hôn, trao đổi lời thề hứa và làm phép và trao nhẫn cưới.

- Phần 1. Thẩm vấn đôi tân hôn: Linh mục chủ tế tay cầm Kinh thánh, đứng trên Cung thánh, đôi tân hôn đứng dưới cung thánh, cùng 2 người làm chứng, đối diện gần linh mục để trả lời thẩm vấn và tuyên xưng lời thề hứa trước Thiên Chúa và cộng đoàn giáo dân. Trong phần thẩm vấn này, linh mục nói những lời ca ngợi Thiên Chúa, ca ngợi tình yêu của các cặp tân hôn, đặc biệt linh mục chủ tế phải hỏi từng đôi tân hôn 3 câu hỏi. Câu thứ nhất nói về việc đôi nam nữ có thực sự tự do tìm hiểu và kết hôn hay bị ép buộc? Câu thứ hai hỏi về sự sẵn sàng yêu thương, chung thủy, tôn trọng bạn đời trong cuộc sống gia đình? Cuối cùng linh mục hỏi đôi tân hôn về việc có sẵn sàng đón nhận con cái như một hồng ân của Thiên Chúa và có sẵn sàng giáo dục chúng theo Giáo luật Công giáo hay không?

Trong 3 câu hỏi này, linh mục chủ tế phải hỏi các câu hỏi riêng rẽ, từng người trong đôi tân hôn phải trả lời xong mới hỏi sang câu khác. Sau đó chuyển sang phần thứ hai là các đôi tân hôn trao đổi lời thề hứa trước Thiên Chúa và cộng đoàn giáo dân.

- Phần 2. Trao đổi lời thề hứa: Đôi nam nữ đứng quay mặt đối diện nhau, cầm tay nhau và nói lên lời thề hứa của mình với người bạn đời. Lời thề hứa phải được nói to, rõ ràng với các nội dung chính như tên thánh và họ tên đời của người bạn đời và hứa giữ lòng chung thủy, yêu thương, tôn trọng vợ/chồng trong bất kể hoàn cảnh nào, khi khỏe mạnh hay lúc đau ốm, khi gian nan hay lúc thịnh vượng, sau đó linh mục chủ tế cầu xin Thiên Chúa xác nhận sự ưng thuận của đôi tân hôn và đồng thời nhắc nhở họ về

sự liên kết của Thiên Chúa, không được phép phân ly sau khi đã kết hôn.

- **Phần 3. Làm phép nhẫn:** Sau lời thề hứa, đôi nam nữ quay mặt về phía linh mục chủ tế để ông làm phép nhẫn cho họ. Nhẫn cưới được chuẩn bị do cô dâu chú rể đưa trước hoặc đưa ngay lúc đó cho những người giúp lễ. Nhẫn cưới được đặt lên một chiếc khay có phủ khăn do những người giúp lễ bê. Linh mục vẩy nước thánh và làm dấu thánh giá lên cặp nhẫn đồng thời nói lời cầu mong Thiên Chúa chúc phúc cho những chiếc nhẫn - bằng chứng của tình yêu và sự chung thủy. Sau đó đôi tân hôn đeo nhẫn cưới vào tay người bạn đời của mình và nói về việc nhận chiếc nhẫn để làm bằng chứng cho tình yêu và lòng chung thủy của họ. Tiếp theo, đôi tân hôn dắt tay nhau cùng hai người làm chứng trở về hàng ghế đầu để tiếp tục chứng kiến các nghi thức của những cặp hôn nhân khác và tiếp tục dự thánh lễ.

Tiếp đó là nghi thức Tuyên bố tân hôn. Cộng đoàn giáo dân thấp nển hiệp nhất. Linh mục lúc này đã trở lại Bàn tế cùng những người giúp việc để tuyên bố sự hợp nhất trong hôn nhân của đôi tân hôn.

Thánh lễ tiếp tục với phần đọc kinh của cộng đoàn giáo dân, thông thường kinh Lạy Cha được xướng lên để cộng đoàn cùng đọc. Tiếp theo là Lời nguyện giáo dân cầu chúc cho hạnh phúc của các đôi tân hôn. Đây là những lời nguyện đặc biệt dành cho các đôi tân hôn. Cộng đoàn khấn cầu Thiên Chúa ban đầy ân sủng và phúc lộc cho đôi tân hôn để bản thân họ được thánh thiện và hạnh phúc, gia đình họ được hòa thuận và bền vững.

Tiếp theo là phần Phụng vụ thánh thể do linh mục cử hành. Phần này gồm dâng bánh, rượu và cộng đoàn cùng đọc kinh Tiên tụng lễ hôn phối; nghi thức hiệp lễ và Lời Nguyện chúc mừng đôi tân hôn. Cuối cùng Linh mục làm Phép lành cho đôi tân hôn và Thánh lễ hôn phối, cộng đoàn chịu Lễ (chịu Mình Thánh Chúa).

Sau khi thánh lễ kết thúc, đôi tân hôn, hai người làm chứng và linh mục cùng ký tên vào Sổ Hôn phối. Sổ này được lưu trong văn khố của giáo xứ.

3.2. Các thủ tục, nghi lễ hôn nhân truyền thống

Dù là người Công giáo, đã làm phép cưới trong nhà thờ, đã chính thức nên vợ nên chồng được Giáo hội và toàn thể cộng đoàn dân Chúa xác thực nhưng người dân ở Nỗ Lực còn trải qua những thủ tục phải có của xã hội như đăng ký kết hôn để được pháp luật thừa nhận; hoặc các ảnh hưởng

không bắt buộc như các nghi lễ, thủ tục kết hôn theo truyền thống. Thủ tục buộc phải có với các cặp nam nữ trước khi chính thức làm phép cưới tại nhà thờ đó là việc đăng ký kết hôn về mặt dân sự, bởi từ lâu Giáo hội Công giáo buộc các tín đồ của mình phải có giấy đăng ký kết hôn thì mới cho phép chịu bí tích Hôn phối trong nhà thờ (Giáo lý Hội thánh Công giáo, 1992). Đó cũng là lẽ đương nhiên của con người, bởi dù họ là tín đồ Công giáo hay tín đồ một tôn giáo nào khác thì họ vẫn là công dân của một Nhà nước có chủ quyền – Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Và, khi là công dân của một nước họ phải chấp hành những quy định của Pháp luật (Luật Hôn nhân và Gia đình, 2000).

Sau khi có Giấy Chứng nhận kết hôn, thông thường cả người nam và người nữ đều chuẩn bị xưng tội, dọn mình để đón nhận thánh lễ Hôn phối, một thánh lễ mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với bản thân mỗi người Công giáo Nỗ Lực.

Ngoài ra, người dân ở Nỗ Lực cũng có các thủ tục cưới theo truyền thống như dạm ngõ, ăn hỏi, đón/đưa dâu như người Việt không theo đạo Công giáo trong vùng.

4. Kết luận

Hôn nhân Công giáo có lịch sử lâu dài và đa dạng ở từng cộng đồng và mỗi tộc người, được hình thành từ những tập tục xã hội và dần chuyển thành những nghi lễ và qui định của luật Hội thánh Công giáo, qua quá trình phát triển dần được hoàn thiện để trở thành một trong bảy Bí tích của đạo Công giáo. Tuy vậy, những qui định của Giáo luật Công giáo không phủ nhận các qui định của pháp luật Nhà nước và các tập tục, nghi lễ truyền thống dân tộc, mà một phần các thủ tục, nghi lễ truyền thống quan trọng này vẫn tiếp tục song hành với nếp sống đạo, được Giáo hội và tín đồ tôn trọng, thực hiện.

Đặc điểm cơ bản trong hôn nhân Công giáo là việc người tín đồ tuân thủ nghiêm ngặt quy định của Giáo luật về hôn nhân. Để bảo vệ hạnh phúc gia đình và tình yêu đôi lứa, đạo Công giáo đề cao hôn nhân của người tín đồ với hình ảnh Chúa Giêsu và Hội thánh, do vậy hôn nhân Công giáo là “đơn nhất và bất khả phân ly” (Giáo lý Hội thánh Công giáo, 1992, tr. 21-22; Bộ Giáo luật, 1983, tr. 1056). Giáo luật Công giáo cũng đưa ra những quy định về ngăn trở kết hôn với tín đồ của mình, các ngăn trở này có nhiều điểm tương đồng với những ngăn cấm kết hôn do Luật Hôn nhân và

Gia đình của Nhà nước qui định, nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình nói riêng, sự phát triển của giống nòi và xã hội nói chung.

Điểm khác biệt cơ bản trong các tập tục và nghi lễ kết hôn của người Việt Công giáo với các tập tục và nghi lễ cưới xin truyền thống của người Việt không Công giáo ở Nỗ Lục là thánh lễ tổ chức trong nhà thờ được thiêng hóa và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, trình tự của hôn lễ được quy định chặt chẽ bởi chính Giáo luật Công giáo, đặc biệt những quy định này mang tính ổn định cao và được tuân thủ nghiêm ngặt, rất ít sự thay đổi trừ khi được phép của Hội đồng Giám mục Việt Nam⁽⁴⁾ nhằm bảo vệ lợi ích của giáo dân và của đạo Công giáo. Đạo Công giáo khuyến khích tín đồ của mình tuân thủ đầy đủ các qui định của Luật pháp về việc đăng ký kết hôn, tuổi kết hôn... nhưng không bắt buộc các tín đồ của mình phải thực hiện các tập tục và nghi thức hôn nhân truyền thống. Đối với các tập tục và nghi thức hôn nhân truyền thống, tùy theo điều kiện của gia đình giáo dân mà thực hiện cho phù hợp với nếp sống ở địa phương.

Nghiên cứu về hôn nhân Công giáo ở Nỗ Lục cho thấy: Giáo hội Công giáo đề ra những quy định bắt buộc tín đồ của mình phải tin theo nhằm bảo vệ lợi ích của đạo, sau đó là bảo vệ lợi ích của các “Hội thánh tại gia”, tức là các gia đình Công giáo. Các số liệu thu thập được từ xứ đạo Nỗ Lục cho thấy hôn nhân của người Việt Công giáo có tính bền vững hơn hôn nhân của người không Công giáo. Tỷ lệ ly thân, ly dị ở người Việt Công giáo Nỗ Lục rất ít: trong 10 năm trở lại đây chỉ có 1 trường hợp ly dị, 2 trường hợp sống ly thân (đã được hoà giải về chung sống với nhau), chứng tỏ sự bền vững của hôn nhân Công giáo⁽⁵⁾. Cũng qua phỏng vấn các hộ gia đình, những chức việc tôn giáo chúng tôi được biết: trong các gia đình Công giáo có hiện tượng vợ chồng mâu thuẫn, xích mích nhau nhưng về cơ bản các mâu thuẫn đó thường được giải quyết trong sự bao dung tha thứ trên tinh thần giáo dục của Giáo hội về sự vị tha đối với vợ/chồng khi có lỗi lầm. Đây có thể là những lý do khiến ngày càng nhiều người ngoại đạo kết hôn với người Công giáo để bảo đảm tính bền vững của gia đình khi mà tỷ lệ ly dị ở các gia đình Việt Nam ngày một tăng⁽⁶⁾. ■

Chú thích

⁽¹⁾ Số liệu do ông Đinh Quang Toàn - Trưởng ban Hành giáo, giáo xứ Nỗ Lục cung cấp tháng 10 năm 2009.

⁽²⁾ Ngày 7/10/2009 Giáo xứ Nỗ Lục đã được chính quyền cho phép tổ chức kỷ

niệm 410 năm “Đón nhận Tin mừng”, tức thời điểm 1599. Đây là thời điểm được linh mục Giuse Nguyễn Văn Đĩnh – linh mục chính xứ (2004 – 2008) thống nhất chọn làm năm chính thức đón nhận Tin Mừng của xứ đạo.

⁽³⁾ Tại xứ đạo Nỗ Lực đã có nhiều trường hợp người ngoại đạo muốn kết hôn với người Công giáo đã phải xin thủ tục “*tha ngăn trở khác đạo*” để hôn lễ được thành sự, hoặc ít nhất phải làm cam kết không ngăn cản đức tin của người vợ/chồng sau khi kết hôn, phải cho con rửa tội theo đạo Công giáo. Tính từ năm 1933 đến nay, giáo xứ Nỗ Lực có 2.090 người làm phép cưới tại nhà thờ. Tính riêng từ 22/10/1998 đến 31/5/2010 có 150 nam tân tòng và 186 nữ tân tòng, trong số này, có 24 trường hợp phải xin thủ tục “*tha ngăn trở khác đạo*”, chiếm 7% (Sổ Hôn phối, Tài liệu lưu trữ tại xứ đạo Nỗ Lực từ 1933 đến 2010). Đây là những người kết hôn với giáo dân Công giáo nhưng cương quyết không theo đạo. Trong thủ tục “*xin tha ngăn trở khác đạo*” họ đều phải cam kết “sống chung thủy một vợ một chồng, phải ở với nhau cho đến chết, không được bỏ bạn còn sống mà đi lấy người khác”. Ngược lại, trong những trường hợp này, cô dâu hay chú rể là giáo dân cũng phải cam đoan “tránh mọi nguy hiểm làm cho mình mất đức tin, cam đoan sẽ rửa tội và dạy dỗ con cái trong Hội thánh Công giáo” (Theo Giấy cam đoan khi xin tha ngăn trở khác đạo tại xứ đạo Nỗ Lực).

⁽⁴⁾ Nghi thức cử hành hôn nhân được Hội đồng Giám mục Việt Nam sửa chữa và có hiệu lực chính thức từ 12/4/2009, trong đó có những thay đổi như *bỏ qua hành động thống hối;... không được ký sổ hôn phối trên bàn thờ*;

⁽⁵⁾ Một báo cáo ở Hà Nội cho biết mỗi năm thành phố có 20.000 vụ kết hôn thì có 4.500 vụ ly hôn. Trong khi đó, ở xã Hải Vân, Hải Hậu, Nam Định có 6.000 dân từ năm 1980 đến năm 2000 chỉ có 2 đôi bỏ nhau. Xứ Sở Hạ (Hà Nội) có 1500 giáo dân mà từ năm 1945 đến nay chỉ có 1 đôi ly thân (Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 2009). (Điểm nghiên cứu là một giáo họ Công giáo, không có gia đình ngoại đạo. Do vậy, không có kết quả về số vụ ly hôn của gia đình không theo Công giáo trong Giáo họ Nỗ Lực).

⁽⁶⁾ Theo thống kê của Giáo hội Công giáo năm 2007 có 67.780 người khác đạo đã gia nhập đạo Công giáo do kết hôn với giáo dân (Viện Nghiên cứu Tôn giáo, 9/2009).

Tài liệu tham khảo

Bộ Giáo luật năm 1983. 1986 (ấn bản Việt ngữ), Nguyệt san Trái tim Đức Mẹ xuất bản.

Giáo lý Hội thánh Công giáo. 1992.

Lê Đức Hạnh. 2010. *Kết quả điều tra tháng 12 năm 2009. Tư liệu điền dã tại Nỗ Lực của tác giả từ tháng 4/2009 đến tháng 5/2010.*

Luật Hôn nhân và gia đình. 2000.

Sổ Hôn phối. *Tài liệu lưu trữ tại xứ đạo Nỗ Lực từ 1933 đến 2010*

Viện Nghiên cứu Tôn giáo. 2009. *Hội thảo “Nếp sống đạo của người Công giáo Việt Nam”* 9/2009. Hà Nội.

Viện Thông tin KHXH. 1996. *Thần tích - Thần sắc*, NXB. KHXH, FQ 4^o 18/XVI, 40.